

BÁO CÁO

Thực hiện công tác đấu thầu công trình năm 2020

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh.

Thực hiện Công văn số 2954/SKHĐT-ĐT, TĐ&GSĐT ngày 18/12/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai V/v đề nghị báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2020. Qua kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu các công trình XD CB năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện Kbang báo cáo như sau:

I. Kết quả Thực hiện công tác đấu thầu :

1. Tổng hợp chung về kết quả thực hiện công tác đấu thầu năm 2020:

Trong năm 2020, có 26 gói thầu xây lắp công trình thuộc quy trình lựa chọn nhà thầu đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh, chỉ định thầu rút gọn: trong đó có: 01 gói thầu thuộc vốn NS Tỉnh, 25 gói thầu vốn NS Huyện, CTMT và vốn tài trợ của các ngân hàng, tập đoàn Bảo Việt.

Trong số 26 gói thầu gồm:

Đấu thầu rộng rãi, trong nước:

- Có 04 gói thầu xây lắp, quy mô nhỏ đấu thầu rộng rãi (02 gói thầu đấu thầu qua mạng và 02 gói thầu đấu thầu trực tiếp vào tháng 01/2020), với tổng giá trúng thầu/tổng giá gói thầu = 27,259 tỷ.đ/27,467 tỷ.đ, giảm 99,24%

- Chênh lệch: 208 triệu đồng.

Chào hàng cạnh tranh, trong nước:

- Có 16 gói thầu (có 14 gói thầu đấu thầu qua mạng và 02 gói thầu đấu thầu trực tiếp vào tháng 01/2020), với tổng giá trúng thầu /tổng giá gói thầu = 32,477 tỷ.đ/ 37,636 tỷ.đ, giảm 86,29%

- Chênh lệch: 5,158 tỷ đồng.

(có 14/16 gói thầu xây lắp đấu thầu qua mạng chiếm 85,5% số lượng gói thầu, giá trị: 26,882 tỷ.đ/32,032 tỷ.đ = 83.792 tổng giá trị gói thầu đấu thầu trong năm).

Chỉ định thầu rút gọn:

+ có 06 gói với tổng giá trúng thầu /tổng giá gói thầu = 3,447 tỷ.đ/3,447 tỷ.đ = 100%.

Tham gia thực hiện của cộng đồng: Có 80 gói thầu xây lắp có sự tham gia của cộng đồng, tổng kinh phí 50,211 tỷ đồng.

Hình thức lựa chọn nhà thầu được áp dụng chủ yếu theo phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu là phương pháp giá đánh giá, kết hợp phương pháp giá thấp nhất.

Tỷ lệ tổng giá trúng thầu /tổng giá gói thầu = 118,771 tỷ.đ/113,404 tỷ.đ = 95,48%; giá trị tiết kiệm trong đấu thầu: 5,366 tỷ đồng.

(Có Biểu báo cáo chi tiết kèm theo)

2. Về công tác phổ biến, quán triệt việc thực hiện Luật Đấu thầu năm 2013, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn:

Trong năm, đã nghiên cứu quán triệt Luật xây Dựng, Luật Đấu thầu năm 2013, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả; Chỉ thị 47/CT-Ttg ngày 27/12/2017 của thủ tướng chính phủ -V/v chấn chỉnh công tác đấu thầu trong các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm thường xuyên sử dụng vốn nhà nước và các thông tư hướng dẫn thực hiện lĩnh vực đấu thầu.

3. Tình hình thực hiện việc đăng tải thông tin trong đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng:

Trong năm, đã thực hiện việc đăng tải thông tin đấu thầu theo quy định tại Thông tư 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15/11/2017 của Bộ Kế hoạch & Đầu tư về quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; Thông tư 05/2020/TT-BKHĐT ngày 30/06/2020 của Bộ Kế hoạch & Đầu tư về Sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15/11/2017 của Bộ Kế hoạch & Đầu tư và Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT nêu trên.

Các thông tin về Kế hoạch đấu thầu các gói thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh và kết quả trúng thầu đều đã được đăng tải trên báo Đấu thầu qua hình thức tự đăng tải lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong năm 2020, đã thực hiện đấu thầu qua mạng 13 và kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng đã được đăng tải thành công.

4. Về tình hình phân cấp trong đấu thầu:

Trong năm, để đảm bảo thực hiện tốt về công tác đấu thầu, chỉ định thầu xây dựng công trình có chất lượng, hiệu quả; đã tổ chức nghiên cứu Luật Đấu thầu năm 2013, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; Thông tư 05/2020/TT-BKHĐT ngày 30/06/2020 và Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ Kế hoạch & Đầu tư; Chỉ thị 47/CT-Ttg ngày 27/12/2017 của thủ tướng chính phủ. Trên cơ sở đó đã tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác đấu thầu xây dựng các công trình XD CB trên địa bàn huyện.

5. Về kết quả thanh tra, kiểm tra về đấu thầu:

Trong năm Ban Kinh tế- Xã hội HĐND Tỉnh và HĐND huyện đã tổ chức giám sát lĩnh vực đầu tư công trên địa bàn huyện và giám sát công tác đấu thầu công trình. Qua đợt giám sát đã đánh giá hoạt động công tác đấu thầu, đấu thầu qua mạng, chấp hành Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT nêu trên đã kết luận công tác đấu thầu huyện đã thực hiện đúng quy trình, quy định hiện hành của Nhà nước.

6. Công tác đào tạo bồi dưỡng:

Tổng số cán bộ tham gia hoạt động đấu thầu của huyện là 12 người trong đó 12/12 cán bộ có chứng nhận đã tham gia khóa học đấu thầu và đấu thầu qua mạng, đồng thời đã có 04 đồng chí đã được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu.

7. Công tác giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm về đấu thầu:

Trong năm, không có tổ chức và cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật Đấu thầu Và qua các đợt thanh tra không có văn bản kiến nghị về công tác đấu thầu công trình năm 2020.

8. Cập nhật thông tin lãnh đạo phụ trách công tác đấu thầu của đơn vị :

Đ/c :Đào Xuân Sừ – Giám đốc - Tổ trưởng chuyên gia đấu thầu.

Đ/c :Phan Đình Phùng - Phó giám đốc - Thành viên thường trực tổ chuyên gia đấu thầu.

Đ/c: Phạm Thành Nhân- Phó giám đốc - Thành viên thường trực tổ chuyên gia đấu thầu.

9. Đánh giá chung về năng lực, kinh nghiệm của các nhà thầu trúng thầu và tiến độ thực hiện gói thầu:

Nhìn chung các nhà thầu trúng thầu thi công công trình đều có năng lực, uy tín, kinh nghiệm lâu năm trong thi công xây dựng công trình, vì vậy khi trúng thầu, đã triển khai thi công các gói thầu đảm bảo về tiến độ và chất lượng.

II. Đánh giá việc thực hiện công tác đấu thầu năm 2020:

Công tác đấu thầu thi công các công trình XD CB trong năm đã tuân thủ theo Luật Đấu thầu năm 2013 và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ. Trong đấu thầu đã đảm bảo thực hiện tốt sự minh bạch công bằng cạnh tranh và hiệu quả kinh tế, về chất lượng và tiến độ công trình giữa các nhà thầu. Đã đánh giá hồ sơ, chọn lựa được nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm thực tiễn để thi công công trình. Và thực tế các Nhà thầu đã phát huy trách nhiệm của mình trong huy động tối đa nhân vật lực thi công công trình XD CB đúng thời gian, chất lượng theo hợp đồng kinh tế ký kết.

III. Về đề nghị:

Đề nghị nâng hạn mức chi định thầu gói thầu xây lắp từ < 01 tỷ lên < 2 tỷ đồng. Thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ tham gia công tác đấu thầu.

Trên đây là báo cáo thực hiện công tác đấu thầu trong năm 2020 của huyện Kbang./.

Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh;
- Phòng Tài chính-KH;
- Lưu VT, VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dũng

LINH VỰC VÀ HÌNH THỨC		DỰ ÁN NHÓM C							CỘNG (1+2+3+4)							Ghi chú
		(4)				(4)										
Tư vấn (khảo sát thiết kế, giám sát, an toàn chịu lực, thẩm tra...)				Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch					
				-	-	-	-	-	-	-	-	-				
4. Chào hàng cạnh tranh		Trong nước	KOM	2	5.604	5.595	9	2	5.604	5.595	9					
			QM	11	32.032	26.882	5.149	11	32.032	26.882	5.149					
	Xây lắp			13	37.636	32.477	5.158	13	37.636	32.477	5.158	Đầu thầu				
1	Trường Trung học cơ sở Kông Bờ Lơ			1	3.904	3.899	5	1	3.904	3.899	5	tháng 1/2020				
2	Đường Y Wua (đoạn Trung tâm BDCT - Đồng Trường Sơn)			1	1.776	1.418	358	1	1.776	1.418	358					
3	Trường TH và THCS Đắk Hlơ			1	2.052	1.684	368	1	2.052	1.684	368					
4	Trường tiểu học Lý Tự Trọng			1	1.700	1.696	4	1	1.700	1.696	4	Đầu thầu tháng 1/2020				
5	Nâng cấp mở rộng đường Hai Bà Trưng			1	1.147	1.143	4	1	1.147	1.143	4					
6	Đầu tư đường bê tông Kê Suối Đắk Lốp (từ Quang Trung đến đường tránh Đông)			1	2.153	1.638	515	1	2.153	1.638	515					
7	Mở rộng đường xã Sơ Pãi (đoạn trung tâm xã)			1	2.707	2.005	702	1	2.707	2.005	702					
8	Trường Tiểu học Trăm Lấp			1	1.590	1.250	340	1	1.590	1.250	340					
9	Mở rộng đường ống nước sinh hoạt trên địa bàn thị trấn			1	2.703	2.146	557	1	2.703	2.146	557					
10	Thủy lợi Đê Bạt			1	1.615	1.605	10	1	1.615	1.605	10					
11	Sửa chữa nâng cấp vỉa hè đường Lê Văn Tám (đoạn Quang Trung- Bùí Thị Xuân)			1	1.183	993	190	1	1.183	993	190					
12	Trường mẫu giáo Đắktrơng			1	1.671	1.419	252	1	1.671	1.419	252					
13	Trường PTDTBT TH và THCS Krong			1	2.213	1.838	375	1	2.213	1.838	375					
	Mua sắm hàng hóa				11.222	9.743	1.478		11.222	9.743	1.478					
1	Mua sắm trang thiết bị dạy và học cho các trường Tiểu học, trường THCS năm học 2020-2021			1	2.233	2.073	161	1	2.233	2.073	161					
2	Cung ứng phân bón hỗ trợ thiết hại hạn năm 2019			1	8.647	7.371	1.276	1	8.647	7.371	1.276					
3	Đầu tư máy phát thanh FM Trung tâm ăn hóa TT&TT huyện Kbang; Hàng mục: Máy FM 500w			1	341	299	42	1	341	299	42					
5. Mua sắm trực tiếp		Trong nước	KOM													
			QM													
6. Tự thực hiện (giám sát)		Quốc tế														
		Trong nước														
		Quốc tế														
		Trong nước														
7. Mua sắm đặc biệt		Quốc tế														
		Trong nước														

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC		DỰ ÁN NHÓM C				CỘNG (1+2+3+4)				Ghi chú
		(4)				(4)				
		Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	
8 Tham gia thực hiện cộng đồng										
	Xây lắp									
1	Đường BTXM nội làng Kon Lanh 1 cũ: Xã Đắk Rong	80	50.221	50.221	-	80	50.221	50.221	-	
2	Đường BTXM nội làng Kon Bông 1 cũ: Xã Đắk Rong	80	50.221	50.221	-	80	50.221	50.221	-	
3	Đường BTXM nội làng Kon Von 1: Xã Đắk Rong	1	131	131	-	1	131	131	-	
4	Đường BTXM nội làng Kon Trang 2 cũ: Xã Đắk Rong	1	39	39	-	1	39	39	-	
5	Đường ra khu sản xuất làng Kóp	1	174	174	-	1	174	174	-	
6	Đường ra khu sản xuất làng Kóp	1	375	375	-	1	375	375	-	
7	Đường giao thông nội làng Nam Cao (Xã Tơ Tung)	1	440	440	-	1	440	440	-	
8	Đường giao thông nội làng Thái Sơn (Xã Tơ Tung)	1	38	38	-	1	38	38	-	
9	Đường nội đồng ra khu sản xuất thôn 5 (từ nhà Ông Văn đi khu sản xuất) Xã Nghĩa An	1	668	668	-	1	668	668	-	
10	Đường nội đồng ra khu sản xuất làng Lọc (Đoạn ra khu nghĩa trang xã) Xã Nghĩa An	1	15	15	-	1	15	15	-	
11	Đường ra khu sản xuất nội thôn 3 (Đoạn nhà bà Oanh ra khu sản xuất) Xã Nghĩa An	1	170	170	-	1	170	170	-	
12	Đường ra khu sản xuất nội thôn 3 (Đoạn nhà ông Nguyễn ra khu sản xuất) Xã Nghĩa An	1	170	170	-	1	170	170	-	
13	Đường đi khu SX tập trung làng Sing, Hro Xã Krong	1	165	165	-	1	165	165	-	
14	Nhà văn hoá xã Xã Krong	1	2.800	2.800	-	1	2.800	2.800	-	
15	Đường từ ngã ba làng Kon Bông, làng Kon Trang Xã Đắk Rong	1	1.500	1.500	-	1	1.500	1.500	-	
16	Đường từ ngã ba làng Kon Bông 2 đi làng Kon Trang 1 Xã Đắk Rong	1	1.019	1.019	-	1	1.019	1.019	-	
17	Đường ra khu sản xuất tập trung Đốc Ngựa Xã Đồng	1	3.422	3.422	-	1	3.422	3.422	-	
18	Đường nội làng Kđau: Ngã 3 gốc Đa đến nhà bà Ngọc. Xã Kông Long Khong	1	380	380	-	1	380	380	-	
19	Đường nội làng Kđau: Ngã 3 gốc Đa đến nhà bà Ngọc. Xã Kông Long Khong	1	330	330	-	1	330	330	-	
20	Đường nội làng Kđau: Ngã 3 gốc Đa đến nhà bà Ngọc. Xã Kông Long Khong	1	200	200	-	1	200	200	-	
21	Đường nội làng Kđau: Ngã 3 gốc Đa đến nhà bà Ngọc. Xã Kông Long Khong	1	170	170	-	1	170	170	-	
22	Đường nội làng Kđau: Ngã 3 gốc Đa đến nhà bà Ngọc. Xã Kông Long Khong	1	300	300	-	1	300	300	-	
23	Đường nội làng Kđau: Ngã 3 gốc Đa đến nhà bà Ngọc. Xã Kông Long Khong	1	300	300	-	1	300	300	-	
24	Đường nội làng Kđau: Ngã 3 gốc Đa đến nhà bà Ngọc. Xã Kông Long Khong	1	350	350	-	1	350	350	-	
25	Đường nội làng Kđau: Ngã 3 gốc Đa đến nhà bà Ngọc. Xã Kông Long Khong	1	300	300	-	1	300	300	-	
26	Đường nội làng Kđau: Ngã 3 gốc Đa đến nhà bà Ngọc. Xã Kông Long Khong	1	400	400	-	1	400	400	-	

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC		DỰ ÁN NHÓM C								Ghi chú
		(4)				CỘNG (1+2+3+4)				
		Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	
27	Đường nội đồng làng K'giang: tuyến từ nhà ông Dang đến rẫy ông Kheinh Xã Kông Long Khong	1	100	100	-	1	100	100	-	
28	Đường nội đồng làng Dong tuyến từ nhà ông Jút đến khu sản xuất Xã Kông Long Khong	1	250	250	-	1	250	250	-	
29	Đường nội đồng làng Ôr tuyến từ rẫy ông Mer đến khu sản xuất Xã Kông Long Khong	1	260	260	-	1	260	260	-	
30	Đường nội đồng làng Đập tuyến từ cuối đường bê tông đến Đập Guga Xã Kông Long Khong	1	200	200	-	1	200	200	-	
31	Đường nội đồng làng Bờ Ngải từ rẫy ông Thai đến rẫy ông Trường Xã Kông Long Khong	1	200	200	-	1	200	200	-	
32	Nhà văn hóa làng K'giang Xã Kông Long Khong	1	600	600	-	1	600	600	-	
33	Đường vào khu sản xuất tập trung làng Đồng Tâm Xã Tô Tung	1	256	256	-	1	256	256	-	
34	Đường nội làng (04 tuyến), L=1046m (Làng Bôn, Làng Lợt, Nội thôn 2, Đường từ trường TH dân tộc BT Lơ Ku đi sân vận động xã) Xã Lơ Ku	1	1.300	1.300	-	1	1.300	1.300	-	
35	Đường khu sản xuất thôn 2 (khu vực bãi cát) Xã Lơ Ku	1	2.030	2.030	-	1	2.030	2.030	-	
36	Đường khu sản xuất thôn 2 (khu vực dốc đu đu) Xã Lơ Ku	1	1.210	1.210	-	1	1.210	1.210	-	
37	Đường ra khu sản xuất tập trung làng Krốt (đoạn nối qua đập tràn) Xã Đăk Smar	1	100	100	-	1	100	100	-	
38	Đường từ làng Đak Krung về trung tâm xã Xã Đăk Smar	1	3.150	3.150	-	1	3.150	3.150	-	
39	Nâng cấp, cải tạo hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung làng Cam. Đak Krung Xã Đăk Smar	1	740	740	-	1	740	740	-	
40	Đường ra khu sản xuất tập trung làng Cam + Thôn 2 (đoạn tiếp giáp đường liên xã đi Sơ Pail) Xã Đăk Smar	1	2.000	2.000	-	1	2.000	2.000	-	
41	Đường ra khu sản xuất tập trung Đăk Hlang Xã Kon Pne	1	1.000	1.000	-	1	1.000	1.000	-	
42	Kiên cố kênh thủy lợi Đăk Lơ Nhang Xã Kon Pne	1	400	400	-	1	400	400	-	
43	Kiên cố kênh thủy lợi Đăk Him Xã Kon Pne	1	600	600	-	1	600	600	-	
44	Kiên cố kênh thủy lợi Đăk Tô Kăit Xã Kon Pne	1	500	500	-	1	500	500	-	
45	Kiên cố kênh thủy lợi Đăk Tô Pơt Xã Kon Pne	1	800	800	-	1	800	800	-	
46	Xây mới nhà văn hóa làng Kon Klonh Xã Kon Pne	1	700	700	-	1	700	700	-	
47	Xây mới nhà văn hóa làng Kon Kring Xã Kon Pne	1	700	700	-	1	700	700	-	
48	Trạm phát thanh xã và điểm phục vụ bưu chính Xã Kon Pne	1	300	300	-	1	300	300	-	
49	Hệ thống nước tự chảy khu dân cư Đăk Lơ Nhang Xã Kon Pne	1	400	400	-	1	400	400	-	
50	Phòng chức năng Trường Mẫu giáo xã Kon Pne Xã Kon Pne	1	860	860	-	1	860	860	-	
51	Đường nội thôn Tuchrăn (từ nhà ông Phiến đi thành an) Xã Kông Bơ La	1	420	420	-	1	420	420	-	
52	Đường nội làng Klôm từ nhà ông Tom đến nhà bà Ngời Xã Kông Bơ La	1	730	730	-	1	730	730	-	
53	Đường ra khu sản xuất làng Miôn Xã Kông Bơ La	1	150	150	-	1	150	150	-	
54	Đường nội làng Groi (Từ nhà ông Lim đến trại ông Búi) Xã Kông Bơ La	1	450	450	-	1	450	450	-	III

11/

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC		DỰ ÁN NHÓM C				CỘNG (1+2+3+4)				Ghi chú
		(4)				(4)				
		Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	
55	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông trục xã (đoạn UBND xã) Xã Kông Bơ La	1	2.050	2.050	-	1	2.050	2.050	-	
56	Đường nội làng Lọt (Nhà ông Hray đến nhà ông lúc) Xã Kông Bơ La	1	840	840	-	1	840	840	-	
57	Nhà rông làng Klôm Xã Kông Bơ La	1	450	450	-	1	450	450	-	
58	Đường trục xã (từ ngã 3 Dũng Hát thôn 4 nối đường liên huyện) Xã Đắk Hlơ	1	435	435	-	1	435	435	-	
59	Trụ sở nhà làm việc HTX nông nghiệp Thành công	1	600	600	-	1	600	600	-	
60	Đường ra khu sản xuất Đắk Hlơ (Đoạn nối tiếp) Xã Kon Phe	1	777	777	-	1	777	777	-	
61	Trường PTDT bán trú TH&THCS Đắk Smar; Nhà học chuyên môn	1	777	777	-	1	777	777	-	
62	Đường ra khu sản xuất tập trung Thôn 3 Xã Kông Bờ La	1	971	971	-	1	971	971	-	
63	Đường ra khu sản xuất làng Kiểch (Làng ADrong cũ) xã Krong	1	1.165	1.165	-	1	1.165	1.165	-	
64	Đường nội thôn Hbang Xã Kông Long Khong	1	180	180	-	1	180	180	-	
65	Đường nội Làng Mơ Tôn Xã Kông Long Khong	1	375	375	-	1	375	375	-	
66	Đường nội làng Bờ Ngai Xã Kông Long Khong	1	610	610	-	1	610	610	-	
67	Đường BTXM nội làng Kon Bông 1 cũ Xã Đắk Rong	1	1.165	1.165	-	1	1.165	1.165	-	
68	Đường vào khu sản xuất làng Chơch xã Lơ ku	1	840	840	-	1	840	840	-	
69	Đường ra khu sản xuất làng Lơ vi xã Lơ Ku	1	325	325	-	1	325	325	-	
70	Đường ra khu sản xuất làng Lọt	1	400	400	-	1	400	400	-	
71	Đường ra khu sản xuất làng Kóp	1	800	800	-	1	800	800	-	
72	Đường ra khu sản xuất tập trung Đắk Phan (Hà Lâm) xã Sơn Lang	1	800	800	-	1	800	800	-	
73	Đường vào khu sản xuất làng Đắk Pơ Kao (Tòong Tung) xã Tơ Tung	1	210	210	-	1	210	210	-	
74	Đường làng Leng 2 đi khu sản xuất ; Xã Tơ Tung	1	397	397	-	1	397	397	-	
75	Đường nội làng Đam Khương (Làng Đam) xã Tơ Tung	1	193	193	-	1	193	193	-	
76	Đường nội làng Kung (Thôn 5) xã Sơ Pai	1	600	600	-	1	600	600	-	
77	Đường ra khu sản xuất làng Lọt	1	200	200	-	1	200	200	-	
78	Nhà văn hóa làng ChReh Thị trấn Khang	1	420	420	-	1	420	420	-	
79	Đường nội làng Hợp Thị trấn Khang	1	187	187	-	1	187	187	-	
80	Đường nội làng HTăng Thị trấn Khang	1	193	193	-	1	193	193	-	
Tổng cộng II		23	118.771	113.404	5.366	23	118.771	113.404	5.366	



**BẢO CAO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI
CỦA NHÀ TÀI TRỢ NĂM 2020 THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH LƯẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13**

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC		DỰ ÁN QUẢN TRUNG QUỐC GIA DO QUỐC HỘI CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ (1)			DỰ ÁN NHÓM A (2)			DỰ ÁN NHÓM B (3)			DỰ ÁN NHÓM C (4)			CỘNG (1+2+3+4) (4)		
		Tổng số gói thầu	Tổng giá trị gói thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá trị gói thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá trị gói thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá trị gói thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá trị gói thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU (không có)																
1. Phi tư vấn	KOM															
2. Tư vấn	KOM															
3. Mua sắm hàng hoá	KOM															
4. Xây lắp	KOM															
5. Hôn hợp	KOM															
Tổng cộng I																
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU (không có)																
I. Ràng rỗi	Trong nước	KOM														
	QM															
Tư vấn	Quốc tế															
2. Lựa chọn	Trong nước	KOM														
	QM															
3. Chi định thầu	Quốc tế															
	Trong nước	KOM														
	QM															
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KOM														
	QM															
5. Mua sắm trực tiếp	Quốc tế															
	Trong nước	KOM														
	QM															
6. Tự thực hiện (giảm sát)	Quốc tế															
	Trong nước	KOM														
	QM															
7. Mua sắm đặc biệt	Quốc tế															
	Trong nước	KOM														
	QM															
8. Tham gia thực hiện công đồng	Trong nước	KOM														
	QM															
Tổng cộng II	Không có															

111



THÔNG TIN CÁC ĐƠN ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TỬ ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN LỰA CHỌN NHÀ
THẦU THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU THẦU, NGHỊ ĐỊNH SỐ 15/2015/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 30/2015/NĐ-CP

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN CỎ SỬ DỤNG ĐẤT
THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT SỐ 43/2013/QH13 NGHỊ ĐỊNH SỐ 30/2015/NĐ-CP**

Đơn vị: Triệu đồng

PHÂN LOẠI DỰ ÁN VÀ HÌNH THỨC		Tổng số dự án	Tổng đề xuất nộp ngân nhà nước yêu cầu trong HSMIT	Tổng đề xuất nộp ngân nhà nước được đề nghị trúng thầu	Chênh lệch
I. PHÂN LOẠI DỰ ÁN (Không có)					
1. Công trình thuộc đô thị, khu đô thị mới					
2. Nhà ở thương mại					
3. Công trình thương mại và dịch vụ					
4. Tổng hợp đa năng					
Tổng cộng I					
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ					
1. Rộng rãi	Trong nước				
	Quốc tế				
2. Chỉ định thầu	Trong nước				
	Quốc tế				
3. Đặc biệt	Trong nước				
	Quốc tế				
Tổng cộng II					

11/1